

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2019-2020

Kính gửi : Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2019-2020, như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng Điều tra thống kê quốc gia;
- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;

II. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 30/01/2019, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 08/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; theo đó, tại khoản 2, Điều 6c quy định: UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân Quy định mức chi cụ thể để thực hiện công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm.

Vì vậy, để tổ chức thực hiện thống nhất, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn địa phương và góp phần hoàn thành tiêu chí 17.1 trong bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, thì việc xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết này nhằm Quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2019-2020.

2. Quan điểm chỉ đạo

Việc ban hành Quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2019-2020 phải đảm bảo hiệu quả, kết quả số liệu phải đảm bảo tính chính xác và đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng dự thảo Nghị quyết gửi các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố góp ý và được Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết tại báo cáo số 202/BC-STP ngày 22/11/2019 kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, giải trình tại

báo cáo số..../BC-SNNPTNT ngày 22/11/2019 giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2019-2020 và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nội dung, bố cục của Nghị quyết gồm các phần chính sau:

(1) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

(2) Mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh.

(3) Tổ chức thực hiện

(4) Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản

- Mức chi cụ thể cho công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn gồm:

+ Chi thu thập, tổng hợp và báo cáo kết quả cấp tỉnh, huyện, xã theo quy định tại điểm b khoản 01 Điều 3 của Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Chi cho người điều tra ở thôn/tổ dân phố theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 của Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016; chi tiền công thuê ngoài Mức lương tối thiểu vùng/22 ngày, theo thời điểm hiện nay mức lương tối thiểu vùng là 2.920.000đ/22 ngày = 132.727đồng/ngày, với công điều tra 40 hộ/ngày thì công điều tra 01 hộ là 3.300 đồng. Tuy nhiên trên địa bàn tỉnh từ năm 2013 đến năm 2018 nguồn kinh phí hạn hẹp nên chỉ chi là 400đồng/hộ, nên vẫn đề xuất mức chi là 400 đồng/hộ.

+ Chi tập huấn theo Nghị Quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Phân tích đánh giá chất lượng các mẫu nước sinh hoạt nông thôn theo QCVN 02:2009/BYT gồm 14 chỉ tiêu và giá áp dụng Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập là 1.291.000đồng (gồm công đi lấy mẫu nước, phân tích mẫu nước, đánh giá chất lượng mẫu nước).

| TT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN GIÁ (VNĐ) | VĂN BẢN ÁP DỤNG |
|-----------|---------------------|----------------------|------------------------|
| 1 | Màu sắc | 70.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |

| | | | |
|----|--|------------------|---------------------|
| 2 | Mùi, vị - Xác định bằng cảm quan | 14.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 3 | Độ đục | 70.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 4 | pH | 56.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 5 | Chỉ số Pecmanganat | 84.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 6 | Độ cứng toàn phần (Tính theo CaCO ₃) | 80.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 7 | Hàm lượng Clorua | 70.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 8 | Hàm lượng Clo dư | 70.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 9 | Hàm lượng Florua | 200.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 10 | Hàm lượng Amoni ^(*) | 98.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 11 | Hàm lượng Sắt tổng số | 105.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 12 | Hàm lượng Asen tổng số | 150.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 13 | Coliforms tổng số, Khuẩn lạc/100ml | 112.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 14 | E. Coli Khuẩn lạc/100ml | 112.000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| | TỔNG CỘNG | 1.291.000 | |

- Mức chi công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm:

Phân tích đánh giá chất lượng các mẫu nước sinh hoạt vùng nguồn nước bị ô nhiễm áp dụng theo QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất (kèm theo Thông tư 66/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gồm 32 chỉ tiêu và giá áp dụng Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập là 9.051.000 đồng (gồm công đi lấy mẫu nước, phân tích mẫu nước, đánh giá chất lượng mẫu nước).

| TT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN GIÁ (VNĐ) | VĂN BẢN ÁP DỤNG |
|----|--|---------------|---------------------|
| 1 | PH | 56,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 2 | COD | 84,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 3 | TDS | 104,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 4 | Độ cứng toàn phần (Tính theo CaCO ₃) | 80,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 5 | Hàm lượng Clorua | 70,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 6 | Hàm lượng Florua | 200,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 7 | Hàm lượng Amoni ^(*) | 98,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 8 | Nitri (NO ₂ -) | 100,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 9 | Nitrat (NO ₃ -) | 140,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 10 | Sunphat (SO ₄ ²⁻) | 90,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 11 | Xianua (CN ⁻) | 120,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |

| | | | |
|------------------|--|------------------|---------------------|
| 13 | As | 150,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 14 | Cd | 130,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 15 | Pb | 130,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 16 | Cr VI | 130,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 17 | Cu | 130,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 18 | Zn | 130,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 19 | Mn | 130,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 20 | Ni | 130,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 21 | Hg | 180,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 22 | Fe | 105,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 23 | Se | 130,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 24 | Phenol tổng | 260,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 25 | Aldrin | 850,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 26 | Dieldrin | 850,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 27 | Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane | 850,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 28 | Heptachlor & Heptachlor epoxide | 850,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 29 | Benzene hexachloride | 850,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 30 | Phóng xạ α | 850,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 31 | Phóng xạ β | 850,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 32 | Coliforms tổng số, Khuẩn lạc/100ml | 112,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| 32 | E. Coli Khuẩn lạc/100ml | 112,000 | Số: 240/2016/TT-BTC |
| TỔNG CỘNG | | 9.051.000 | |

Kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực tỉnh uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT,PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp;
- VPUB: CPVP, PCVP (NL);
- TH,CB-TH;
- Lưu VT, NN-TN (lnphong557)



Trần Ngọc Căng